

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 35/2022/DS-GĐT

Ngày 23-9-2022

V/v tranh chấp chia thừa kế,
tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tiên Hùng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Minh

Bà Lương Ngọc Trâm

Ông Ngô Hồng Phúc

Ông Nguyễn Biên Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thủy, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp chia thừa kế, tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Quốc T, sinh năm 1982; cư trú tại: Số 286 đường TĐT, khóm H, phường S, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Số 682 đường PH, khóm B, phường C, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T: Ông Nguyễn Sa L - Luật sư, Văn phòng luật sư GL thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn:

1. Ông Ngô Kim Q, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 286E đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Ngô Tấn L1, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 286 đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Q1, sinh năm 1962 (Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2015).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Ngọc X, sinh năm 1952;
2. Chị Ngô Thị Diễm T1, sinh năm 1978;
3. Chị Ngô Thị Diễm H, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại: Số 682 đường PH, khóm B, phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

4. Chị Ngô Thị Diễm P, sinh năm 1970;
5. Chị Ngô Thị Diễm H1, sinh năm 1976;

Cùng cư trú tại: Số 628A đường PH, khóm B, phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

6. Anh Ngô Quốc D, sinh năm 1974; cư trú tại: Số 678 đường PH, khóm B, phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

7. Anh Ngô Quốc H2, sinh năm 1980; cư trú tại: Số 680 đường PH, khóm B, phường T, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bà Ngô Thị Minh N, sinh năm 1948;
9. Ông Ngô Tấn T2, sinh năm 1966;

Cùng cư trú tại: Số 262 đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

10. Ông Ngô Kim T3, sinh năm 1951; cư trú tại: Số 286D đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

11. Ông Ngô Kim P1, sinh năm 1956 (chết ngày 18/01/2002);

12. Bà Ngô Thị Thanh H3, sinh năm 1961;

Cùng cư trú tại: Số 288 đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

13. Bà Ngô Thị Huỳnh M, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 286E đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

14. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 01 đường CVT, phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Lê Văn H4, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 1632/UBND-NC ngày 31/10/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Hoàng D1, Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

15. Bà Trần Lệ A, sinh năm 1958;
16. Chị Ngô Thị Hồng N1, sinh năm 1983;
17. Chị Ngô Thị Hồng P2, sinh năm 1985;

Cùng cư trú tại: Số 286A đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

18. Chị Ngô Thị Hồng Đ, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 164/2 LDC, khóm H, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

19. Bà Đỗ Thị H5, sinh năm 1951;

20. Chị Ngô Cẩm T4, sinh năm 1983;

21. Chị Ngô Cẩm P3, sinh năm 1991;

22. Chị Ngô Thị Cẩm T5, sinh năm 1992;

23. Anh Ngô Trường S, sinh năm 1986;

Cùng cư trú tại: Số 286E đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

24. Bà Lưu Thị H6, sinh năm 1951; cư trú tại: Số 286C đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Kim Q, ông Ngô Tấn L1, ông Ngô Kim T3, bà Ngô Thị Thanh H3, bà Ngô Thị Huỳnh M, ông Ngô Tấn T2, bà Trần Lê A, chị Ngô Thị Hồng N1, chị Ngô Thị Hồng P2, bà Đỗ Thị H5, chị Ngô Cẩm T4, chị Ngô Cẩm P3, chị Ngô Thị Cẩm T5, anh Ngô Trường S, bà Lưu Thị H6, chị Ngô Thị Hồng Đ là ông Hoàng Văn Q1, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 25/28 đường LTT, phường H, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2015).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Minh N, chị Ngô Thị Diễm P, anh Ngô Quốc D, chị Ngô Thị Diễm H1, chị Ngô Thị Diễm T1, anh Ngô Quốc H2, bà Trần Ngọc X, chị Ngô Thị Diễm H là anh Ngô Quốc T (Văn bản ủy quyền ngày 27/5/2015 và ngày 21/10/2015).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/3/2015 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Ngô Quốc T và là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Ngọc X, chị Ngô Thị Diễm P, anh Ngô Quốc D, chị Ngô Thị Diễm H1, chị Ngô Thị Diễm T1, anh Ngô Quốc H2 và chị Ngô Thị Diễm H (vợ con của ông Ngô Minh H7) trình bày:

Cụ Ngô Kim G (chết năm 2010) và cha của anh là ông Ngô Minh H7 (chết năm 2014, con của cụ G) được thừa hưởng của gia tộc họ Ngô tạo lập được 3.930m² đất, trên đất có ngôi chùa BST là nơi thờ cúng phật để tu tại gia và các mộ phần của gia tộc họ Ngô. Do cụ G và ông H7 có hộ khẩu tại chùa nên ngày 02/01/2001 hộ cụ G được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng công nhận quyền sử dụng đất diện tích là 3.930m² tọa lạc tại khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình quản lý đất và ngôi chùa, cụ G phân chia đất cho em ruột và các con một phần đất (chia cho cụ B 184m², cụ T6 718m² (là các em của cụ

G), ông Q 140m², ông P1 100,5m², ông L1 49m², bà H3 160,7m², ông T2 124,1m² và ông T3 62,1m²), diện tích đất còn lại là 2.656,2m².

Cụ G có 09 người con gồm: Bà Ngô Thị Minh N, ông Ngô Minh H7, ông Ngô Kim T3, ông Ngô Kim Q, ông Ngô Kim P1 (chết năm 2002), ông Ngô Tấn L1, bà Ngô Thị Thanh H3, bà Ngô Thị Huỳnh M và ông Ngô Tấn T2. Cụ G chết không để lại di chúc, sau khi cụ G chết thì diện tích đất và ngôi chùa do ông H7 quản lý. Ông H7 chết không để lại di chúc, vợ là bà Trần Ngọc X, ông H7 và bà X có 07 người con chung là chị Ngô Thị Diễm P, anh Ngô Quốc D, chị Ngô Thị Diễm H1, chị Ngô Thị Diễm T1, anh Ngô Quốc H2, anh Ngô Quốc T và chị Ngô Thị Diễm H. Ông P1 chết, vợ là bà Trần Lệ A, các con là chị Ngô Thị Hồng N1, chị Ngô Thị Hồng P2, chị Ngô Thị Hồng Đ.

Việc chính quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ G, thực tế là cấp cho cụ G và cha của anh là ông H7 vì cụ G và ông H7 có hộ khẩu tại chùa. Do đó, diện tích đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của cụ G và ông H7. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Xác định diện tích đất 2.656,2m², trên đất có ngôi chùa là di sản thừa kế của cụ G và của ông H7.

2. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của cụ G và của ông H7 là vợ và các con ông H7 và là tài sản chung hợp nhất của các thừa kế là vợ, các con của ông H7.

3. Buộc các bị đơn không được ngăn cản nguyên đơn thực hiện quyền của chủ sở hữu tài sản và vào chùa BST để tu hành.

Bị đơn là ông Ngô Kim Q và ông Ngô Tấn L1 trình bày:

Các ông nhất trí với trình bày của anh Ngô Quốc T về quan hệ huyết thống cũng như ngày chết của cụ G và ông H7, nhưng các ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của anh T vì:

Ngôi chùa BST là tài sản chung của dòng họ Ngô, đồng thời ngôi chùa đã được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh và chịu sự quản lý của Nhà nước nên không thể chia thừa kế.

Về diện tích đất: Năm 2001, chính quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ G, nhưng cụ G chỉ là người đại diện cho gia tộc họ Ngô đứng tên quyền sử dụng đất. Toàn bộ ngôi chùa trên diện tích đất 2.656,2m² là tài sản chung của gia tộc họ Ngô, mục đích của gia tộc là để tu tại gia và thờ cúng tổ tiên. Vì vậy, các bị đơn có đơn phản tố yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đứng tên hộ cụ G và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng là của chung gia tộc họ Ngô.

Ngày 08/6/2015, ông Q và ông L1 có đơn phản tố yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đứng tên hộ cụ G vì quyền sử dụng đất và ngôi chùa trên đất là sở hữu chung của gia tộc họ Ngô. Tại phiên tòa sơ thẩm,

ông Q và ông L1 rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Ngọc X, chị Ngô Thị Diễm P, anh Ngô Quốc D, chị Ngô Thị Diễm H1, chị Ngô Thị Diễm T1, anh Ngô Quốc H2 và chị Ngô Thị Diễm H: Nhất trí như anh T trình bày.

- Ông Ngô Kim T3, bà Ngô Thị Thanh H3, bà Ngô Thị Huỳnh M, ông Ngô Văn T2, bà Trần Lệ A, chị Ngô Thị Hồng N1, chị Ngô Thị Hồng P2, chị Ngô Thị Hồng Đ, bà Đỗ Thị H5, chị Ngô Thị Cẩm T4, chị Ngô Cẩm P3, chị Ngô Thị Cẩm T5, anh Ngô Trường S: Nhất trí như ông Q và ông L1 trình bày.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn H4 trình bày: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ cố Ngô Kim T7 (cụ cố của cụ G), cụ cố T7 đã sử dụng đất và chùa BST từ năm 1907 để tu tại gia. Khi cụ G sử dụng, cụ G đại diện cho hộ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Ngày 02/01/2001, chính quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ G. Khoảng năm 2001, cụ G đã chia đất cho em ruột và các con diện tích đất là 1.183,8m², diện tích đất còn lại 2.656,2m² trên đất có ngôi chùa BST (tức chùa ĐS). Năm 2007, ông H7 có đơn xin đăng ký hoạt động tôn giáo và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cho phép tại Công văn số 302/CTUBND-HC ngày 11/3/2008. Vì vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ G là đúng trình tự, thủ tục. Do chùa BST đã được xếp hạng Di tích lịch sử Văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 563/QĐTC-CTUBND ngày 10/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Vì vậy, anh T yêu cầu hủy hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Q và ông L là không có cơ sở. Bởi lẽ, năm 2001 cụ G khi chia đất cho các em và các con đã họp toàn thể thân tộc họ Ngô và đồng ý, do đó ông Q và ông L1 kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 25/5/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Ngô Quốc T đã rút lại bao gồm:

- Chia thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung phần di sản do cụ Ngô Kim G và ông Ngô Minh H7 chết để lại là phần đất thuộc thửa số 147, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.656,2m² tọa lạc tại khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000212QSDD/QĐ/UBT cấp ngày 02/01/2001 cho hộ cụ G và xác định tài sản gắn liền với đất là ngôi chùa BST (chùa ĐS) là di sản dùng vào việc thờ cúng của dòng họ, buộc phía bị đơn chấm dứt việc ngăn cản không cho anh Ngô Quốc T và các đồng thừa kế vào chùa BST tu hành, làm việc cũng như không được cản trở thực hiện quyền của chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

- Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000/383/QSDĐ-QĐUBT do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Ngô Kim Q vào ngày 27/9/2001, tại thửa số 198, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000/381/QSDĐ-QĐUBT do Ủy ban nhân dân Sóc Trăng cấp cho hộ ông Ngô Tấn L1 vào ngày 27/9/2001, tại thửa số 198, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của các bị đơn ông Ngô Kim Q và ông Ngô Tấn L1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000212/QSDĐ/QĐ/UBT mà Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã cấp cho hộ cụ G vào ngày 02/01/2001, đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 41, tọa lạc khóm M, phường N, thị xã ST (nay là thành phố ST), tỉnh Sóc Trăng.

3. Không chấp nhận các yêu cầu thay đổi khởi kiện của nguyên đơn anh T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Xác định phần đất thuộc thửa số 147, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.660,8m² tọa lạc tại khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000212/QSDĐ/QĐ/UBT cấp ngày 02/01/2001 cho hộ cụ G và tài sản gắn liền với đất là ngôi chùa BST là di sản thừa kế do cụ G và ông H7 để lại.

- Yêu cầu Tòa án xác định những người có quyền thừa kế theo pháp luật di sản của cụ G và ông H7 để lại, những người có quyền được hưởng thừa kế bao gồm: Vợ ông H7 là bà Trần Ngọc X và các con bao gồm: anh Ngô Quốc T, chị Ngô Thị Diễm P, anh Ngô Quốc D, chị Ngô Thị Diễm H1, chị Ngô Thị Diễm T1, anh Ngô Quốc H2 và chị Ngô Thị Diễm H.

- Yêu cầu Tòa án xác định di sản thừa kế mà cụ G và ông H7 để lại là tài sản chung của những người đồng thừa kế và công nhận quyền sở hữu chung hợp nhất của những người thừa kế.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/6/2018, anh Ngô Quốc T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 187/2019/DS-PT ngày 22/5/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Quốc T.

- Xác định diện tích đất 2.660,8m² thuộc thửa số 147, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000212/QSDĐ/QĐ/UBT cấp ngày 02/01/2001 cho hộ cụ Ngô Kim G và tài sản

gắn liền với đất là ngôi chùa BST (chùa ĐS) là di sản do cụ Ngô Kim G và ông Ngô Minh H7 chết để lại.

- Xác định những người có quyền hưởng thừa kế theo pháp luật di sản của cụ G và ông H7 chết để lại là 08 người con của cụ G là: ông Ngô Kim Q, ông Ngô Tấn L1, bà Ngô Thị Minh N, ông Ngô Tấn T2, ông Ngô Kim T3, ông Ngô Kim P1, bà Ngô Thị Thanh H3, bà Ngô Thị Huỳnh M và vợ ông H7 là bà Trần Ngọc X và các con của ông H7 là anh Ngô Quốc T, chị Ngô Thị Diễm P, chị Ngô Thị Diễm T1, chị Ngô Thị Diễm H, anh Ngô Quốc D, chị Ngô Thị Diễm H1, anh Ngô Quốc H2.

- Xác định tài sản mà cụ G và ông H7 chết để lại là tài sản chung hợp nhất của những người đồng được hưởng di sản thừa kế như đã nêu trên.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và các chi phí tố tụng.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 19/9/2019 ông Ngô Kim Q và ông Ngô Tấn L1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 16/2022/KN-DS ngày 20/5/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 187/2019/DS-PT ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh T1.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc diện tích đất 3.930m² trên đất có ngôi chùa BST (tức chùa ĐS) do cô Ngô Kim T7 tạo lập từ năm 1907 và đã qua nhiều đời trong gia tộc họ Ngô gìn giữ, bảo quản để tu tại gia và cúng phật. Ngôi chùa tọa lạc tại khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình quản lý sử dụng ngôi chùa (sau khi cô Ngô Kim T8 chết), năm 1970 ngôi chùa do cụ Ngô Thị Bạch T9 (chết năm 1995) quản lý. Ngày 18/6/1992, cụ T9 lập “Tờ di chúc”, theo di chúc cụ T9 giao ngôi chùa và diện tích đất nêu trên cho 03 người là cụ Ngô Kim G (em ruột của cụ T9, chết ngày 27/02/2010), ông Ngô Minh H7 (chết ngày 06/8/2014) và bà Ngô Thị Minh N (ông H7 và bà N là con của cụ G) quản lý, gìn giữ để tiếp tục tu tại gia và cúng phật. Cụ G có 09 người con gồm: bà Ngô Thị Minh N, ông Ngô Minh H7, ông Ngô Kim T3, ông Ngô Kim Q, ông Ngô Kim P1 (chết năm 2002), ông Ngô Tấn L1, bà Ngô Thị Thanh H3, bà Ngô Thị Huỳnh M và ông Ngô Tấn T2. Ông H7 chết, vợ là bà Trần Ngọc X có 07 người con chung là chị Ngô Thị Diễm P, anh Ngô Quốc D, chị Ngô Thị Diễm H1, chị Ngô Thị Diễm T1, anh Ngô Quốc H2, anh Ngô Quốc T và chị Ngô Thị Diễm H.

[2] Quá trình cụ G và ông H7 quản lý và sử dụng chùa BST thì năm 2000, cụ G kê khai, đăng ký và ngày 02/01/2001 Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ G, diện tích là 3.930m². Cùng năm 2001, cụ G đã chia đất cho các em và các con của cụ G mỗi người một phần diện tích đất; trong đó, ông Ngô Kim Q và ông Ngô Tấn L1 đã được chia một phần diện tích đất (ông Q diện tích 140m², ông L1 diện tích 52,4m²); ngày 27/9/2001, ông Q và ông L1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất còn lại đứng tên cụ G là 2.656,2m² (đo thực tế 2.660,8m²). Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không tranh chấp về diện tích đất mà cụ G đã chia cho những người thân trong gia đình nêu trên. Theo Quyết định số 563/QĐTC-CTUBND ngày 10/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thì chùa BST được cấp hạng “Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh” và được cấp “Bảng xếp hạng di tích cấp tỉnh, thành phố”.

[3] Theo các chứng cứ do nguyên đơn và bị đơn xuất trình thì có cơ sở xác định, chùa BST là do gia tộc họ Ngô tạo lập để tu tại gia và cúng phật. Tại di chúc của cụ T9 ngày 18/6/1992, cụ T9 giao cho cụ G và ông H7 quản lý, sử dụng chùa để “Chăm nom, gìn giữ phụng sự hương đèn cúng phật”. Do đó, chùa BST là tài sản chung hợp nhất của gia tộc họ Ngô. Hơn nữa, chùa BST đã được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh và đã được cấp Bảng xếp hạng Di tích cấp tỉnh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh T về xác định diện tích đất 2.656,2m² và ngôi chùa trên đất là di sản thừa kế của cụ G và ông H7 là có căn cứ. Việc cụ G kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ G là không đúng. Tuy nhiên, các bị đơn đã rút yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000212QSĐĐ/QĐ/UBT ngày 02/01/2001 cấp cho hộ cụ G. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của các bị đơn là có căn cứ.

[4] Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng, diện tích đất 2.656,2m² và ngôi chùa BST là của gia tộc họ Ngô, nhưng cụ G đã kê khai, đăng ký và ngày 02/01/2001 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ cụ G, từ đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T, công nhận diện tích đất 2.656,2m² và ngôi chùa BST là di sản thừa kế của cụ G và ông H7; đồng thời, xác định 08 người con của cụ G được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản là diện tích đất 2.656,2m² và ngôi chùa trên đất là không đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 2 Điều 343 và khoản 2 Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 16/2022/KN-DS ngày 20/5/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 187/2019/DS-PT ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án “*Tranh chấp chia thừa kế, tài sản chung và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn là anh Ngô Quốc T với bị đơn là ông Ngô Kim Q và ông Ngô Tấn L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC - Vụ 9;
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm Tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Vụ Tổng hợp TANDTC (kèm theo hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Vụ GDKTII (02 bản), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tiến Hùng